

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT  
Ngày: 25/01/2018  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và  
chia tài sản thuộc sở hữu chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Đồng.

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Kim Sang; bà Võ Thị Hồng Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khúc Tân Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Sự – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 14 tháng 12 năm 2017 và 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017, về “Tranh chấp thừa kế tài sản và chia tài sản thuộc sở hữu chung”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 47/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc X, sinh năm 1959; cư trú tại: Số X1, khu phố X2, thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà X: Anh Lương Thanh T, sinh năm 1980; cư trú tại: Số T1, đường T2, Phường 4, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản uỷ quyền ngày 05-01-2017; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Trương Hồng C, sinh năm 1957; cư trú tại: Số X1, khu phố X2, thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trương Hồng L, sinh năm 1954; cư trú tại: Số X1, khu phố X2, thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Bà Trương Ngọc Th, sinh năm 1962; cư trú tại: Số Th1, đường Th2, Phường Th3, quận Th4, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Hồng L và bà Trương Ngọc Th: Anh Lương Thanh T, sinh năm 1980; cư trú tại: Số T1, đường T2, Phường T3, quận T4, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản uỷ quyền ngày 05-01-2017; có mặt;

+ Bà Phạm Thị K, sinh năm 1958;

+ Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1982;

+ Anh Trương Tuấn H, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại: Số X1, khu phố X2, thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: Khu phố Y1, thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng N - Trưởng phòng; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Hồng C là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn - bà Trương Ngọc X và trong quá trình tham gia tố tụng, anh Lương Thanh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Cha bà X là cụ Trương D, chết ngày 24-6-2009; mẹ là Nguyễn Thị G, chết ngày 27-3-2014. Hai cụ có 10 người con, đã chết lúc còn nhỏ 06 người, hiện còn 04 người, gồm: Bà Trương Hồng L, ông Trương Hồng C, bà Trương Ngọc X và bà Trương Ngọc Th. Cụ D, cụ G không có con riêng hay con nuôi. Di sản để lại gồm:

- Diện tích 20.345 m<sup>2</sup> đất, trong đó có 400 m<sup>2</sup> đất ONT, diện tích còn lại là đất LUC, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ G đứng tên, đất ông C đang quản lý.

- Diện tích 287,4 m<sup>2</sup> đất, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ODT và 87,4 m<sup>2</sup> đất CLN, tọa lạc tại khu phố 4, Nội ô thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ D và cụ G đứng tên. Trên đất có một nhà ngói làm từ trước giải phóng và một số cây ăn trái. Nhà, đất hiện bà X và các anh, chị, em cùng quản lý.

- Diện tích 104,7 m<sup>2</sup> đất ODT, tọa lạc tại khu phố 3, Nội ô thị trấn X3, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ D và cụ G đứng tên. Trên đất có một ngôi nhà tường cấp 4, xây từ trước giải phóng, hiện bà X và các anh, chị, em cùng quản lý.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng những phần đất nêu trên bà X đang giữ.

Cụ D không để lại di chúc. Cụ G có để lại di chúc, được công chứng ngày 20-02-2013, tại Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh. Nội dung di chúc là cụ G để lại cho bà X ½ tài sản của cụ G trong khối tài sản chung của cụ G và cụ D và toàn bộ tài sản mà cụ G được thừa kế của cụ D.

Bà X khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ G và chia thừa kế di sản của cụ D theo quy định pháp luật.

*Bị đơn - ông Trương Hồng C và người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Vương Sơn Hà trình bày:*

Thông nhất với bà X về quan hệ huyết thống của cụ D và cụ G, ngày cụ D chết, ngày cụ G chết và di sản của 02 cụ để lại.

Ông C không chấp nhận chia thừa kế theo Di chúc ngày 20-02-2013, di chúc này không hợp pháp vì: Trước đây Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xét xử phúc thẩm, tuyên bố tất cả các văn bản công chứng có liên quan đến cụ G là vô hiệu; di chúc có dấu hiệu bị cưỡng ép; cụ G không biết chữ, không đủ sức khỏe khi lập di chúc nhưng không có người làm chứng.

Cụ D và cụ G có để lại Di chúc ngày 04-4-2006, nội dung là chia cho ông C nhà và 287,4 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại khu phố 4, Nội ô thị trấn X3; chia cho bà X và bà Th nhà và 104,7 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại khu phố 3, Nội ô thị trấn X3; chia cho ông C, bà X, bà Th mỗi người 30 cao đất ruộng ở ấp P, xã Q, huyện B; phần diện tích đất ruộng còn lại giao cho ông C quản lý thờ cúng cha, mẹ, anh, chị, em khi họ qua đời; bà L được ở chung căn nhà chia cho ông C và ông C phải có trách nhiệm với bà L suốt đời.

Trong quá trình tham gia tố tụng, khi thì ông C yêu cầu chia theo Di chúc ngày 04-4-2006, khi thì yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ D, cụ G để lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vương Sơn Hà yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với nhà và 287,4 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại khu phố 4, Nội ô thị trấn X3; nhà và 104,7 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại khu phố 3, Nội ô thị trấn X3, huyện X4, tỉnh Tây Ninh. Riêng phần đất 20.345 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện B, tỉnh Tây Ninh là đất cấp cho hộ gia đình, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ gia đình gồm 08 người: Cụ D, cụ G, bà X, bà L, bà K (vợ ông C), anh Tuấn A; anh Tuấn H (con ông C) và ông C nên là tài sản chung của 08 người, yêu cầu chia 08 phần bằng nhau trước khi chia thừa kế của cụ D, cụ G.

*- Anh Lương Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Hồng L; bà Trương Ngọc Th - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Bà L, bà Th thống nhất theo yêu cầu của bà X, yêu cầu chia thừa kế theo Di chúc ngày 20-02-2013, của cụ G vì di chúc là có thật và hoàn toàn hợp pháp, phần di sản của cụ D yêu cầu chia theo quy định pháp luật, bà L, bà Th yêu cầu được chia bằng giá trị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K trình bày:* Bà là vợ ông C, thống nhất theo ý kiến của ông C. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 20.345 m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện B thì bà, anh Tuấn A, anh Tuấn H đang sống chung nhà với ông C, cụ D, cụ G vì ông C là con trai duy nhất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ G đại diện đứng tên, là đất cấp cho hộ gia đình nên bà yêu cầu Tòa án phân chia cho bà theo quy định pháp luật, yêu cầu được chia bằng giá trị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trương Tuấn A trình bày:* Anh là con của ông C và bà K, anh thống nhất theo ý kiến của bà K, yêu cầu chia cho anh bằng giá trị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trương Tuấn H trình bày:* Anh là con của ông C và bà K, anh thống nhất theo ý kiến của bà K, yêu cầu chia cho anh bằng giá trị.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh do ông Trần Hùng N là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh chứng nhận di chúc cho cụ Nguyễn Thị G vào ngày 20-02-2013 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Khi lập di chúc cụ G hoàn toàn minh mẫn, đủ sức khỏe, có giấy khám sức khỏe kèm theo, ông là Công chứng viên trực tiếp thực hiện việc công chứng di chúc cho cụ G. Cụ G trình bày nội dung, ông đánh máy lại sau đó đọc lại cho cụ G nghe, cụ G đọc lại và đồng ý với nội dung di chúc, cụ nói tay hơi run, ký tên sẽ không chính xác nên lăn tay trước khi công chứng viên chứng nhận. Việc cụ G lập di chúc là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối nên di chúc của cụ G lập ngày 20-02-2013 tại Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh là hợp pháp.

*Bản án Dân sự sơ thẩm số: 47/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, áp dụng các Điều: 212, 613, 623, 630, 635, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và tài sản chung” của bà Trương Ngọc X đối với ông Trương Hồng C.

### **1. Phân chia bằng giá trị như sau:**

- Phần đất 104,7 m<sup>2</sup> và 287,4 m<sup>2</sup>; tài sản trên đất, tọa lạc tại khu phố Nội ô, thị trấn X3, trị giá 6.393.635.628 đồng, cụ D và cụ G mỗi người ½ giá trị là 3.196.817.814 đồng.

Phần 3.196.817.814 đồng của cụ G chia cho bà X được hưởng theo di chúc.

Phần 3.196.817.814 đồng của cụ D chia theo pháp luật cho 05 người gồm: cụ G, bà X, bà L, bà Th, ông C, mỗi người được 639.363.562 đồng.

Phần 639.363.562 đồng của cụ G được hưởng của cụ D, chia cho bà X được hưởng theo di chúc.

Trong phần di sản nêu trên, bà X được chia tổng giá trị là: 4.475.544.938 đồng; bà L, bà Th, ông C mỗi người được chia 639.363.562 đồng.

- Phần đất 20.345 m<sup>2</sup> tại ấp P, xã Q, huyện B, trị giá 1.373.534.000 đồng, là tài sản chung của hộ gia đình, trừ 50.000.000 đồng phần công sức đóng góp của ông C, còn lại giá trị 1.323.534.200 đồng chia cho 08 người có tên trong hộ khẩu gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Cụ D, cụ G, bà L, bà X, ông C, bà K, anh Tuấn A, anh Tuấn H mỗi người một phần bằng nhau trị giá 165.441.775 đồng. Bà X được hưởng 02 phần gồm phần của bà X và phần của cụ G chia cho bà X theo di chúc (165.441.775 đồng x 2 = 330.883.550 đồng).

Phần 165.441.775 đồng của cụ D, chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ G, bà L, bà X, bà Th, ông C, mỗi người 33.088.355 đồng. Phần cụ G được hưởng chia cho bà X theo di chúc nên bà X được hưởng 02 phần là 66.176.710 đồng.

Như vậy, đối với phần đất này, giá trị tài sản các thành viên trong hộ gia đình được chia và giá trị di sản các đồng thừa kế được chia cụ thể là:

- Bà X:  $330.883.550 \text{ đồng} + 66.176.710 \text{ đồng} = 397.060.260 \text{ đồng}$ .

- Bà L:  $165.441.775 \text{ đồng} + 33.088.355 \text{ đồng} = 198.530.130 \text{ đồng}$ .

- Bà Th  $33.088.355 \text{ đồng}$ .

- Ông C:  $165.441.775 \text{ đồng} + 33.088.355 \text{ đồng} + 50.000.000 \text{ đồng} = 248.530.130 \text{ đồng}$ .

- Bà K  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

- Anh Tuấn A:  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

- Anh Tuấn H:  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

***Tổng giá trị những người đồng thừa kế và đồng sở hữu tài sản được chia như sau:***

- Bà X:  $4.475.544.938 \text{ đồng} + 397.060.260 \text{ đồng} = 4.872.605.198 \text{ đồng}$ .

- Bà L:  $639.363.562 \text{ đồng} + 198.530.130 \text{ đồng} = 837.893.692 \text{ đồng}$ .

- Bà Th:  $639.363.562 \text{ đồng} + 33.088.355 \text{ đồng} = 672.451.917 \text{ đồng}$ .

- Ông C:  $639.363.562 \text{ đồng} + 248.530.130 \text{ đồng} = 887.893.692 \text{ đồng}$ .

- Bà K:  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

- Anh Tuấn A:  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

- Anh Tuấn H:  $165.441.775 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng:  $7.767.169.824 \text{ đồng}$ .

## **2. Phân chia bằng hiện vật như sau:**

2.1. Bà Trương Ngọc X được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm:

Phần đất có diện tích  $287,4 \text{ m}^2$ , gồm  $200 \text{ m}^2$  đất ODT và  $87,4 \text{ m}^2$  đất CLN, thửa 181, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại khu phố 4, Nội ô thị trấn X3, huyện X4 (có sơ đồ kèm theo). Trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4A diện tích  $31,15 \text{ m}^2$ ; 01 nhà tường cấp 4C diện tích  $115,15 \text{ m}^2$ ; 01 căn nhà tạm diện tích  $47,07 \text{ m}^2$ ; 01 chuồng gà diện tích  $11,21 \text{ m}^2$ ; 01 nhà vệ sinh diện tích  $1,21 \text{ m}^2$ ; 03 cây đu đủ; 01 cây chanh, 01 cây nhãn; 01 cây măng cầu; 01 cây xoài. Tổng giá trị là  $5.227.198.528 \text{ đồng}$ .

2.2. Ông Trương Hồng C được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gồm:

- Diện tích  $104,7 \text{ m}^2$  đất ODT, thửa 353, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại khu phố 3, Nội ô thị trấn X3, huyện X4 (có sơ đồ kèm theo). Trên đất có 01 căn nhà tường cấp 4C diện tích  $91 \text{ m}^2$ ; 01 mái che khung sắt, nền xi măng, diện tích  $17,5 \text{ m}^2$ .

- Diện tích  $20.345 \text{ m}^2$  đất, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện B (có sơ đồ kèm theo), gồm:

+ Diện tích  $9.348,7 \text{ m}^2$ , trong đó có  $400 \text{ m}^2$  đất ONT và  $8.948,7 \text{ m}^2$  đất LUC, gồm các thửa: 12, 13, 14, 27, 28, 40, 56, 68; tờ bản đồ 32;

+ Diện tích  $6.208,1 \text{ m}^2$  đất LUC, gồm các thửa: 84, 85, 105, 123; tờ bản đồ 32;

+ Diện tích 4.788,2 m<sup>2</sup> đất LUC, gồm các thửa: 47, 83, 103, 104, 121, 122, tờ bản đồ 32.

Phần tài sản ông C được chia có tổng giá trị là 2.539.971.300 đồng.

3. Ông Trương Hồng C có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho: Bà Trương Hồng L 837.893.692 đồng; bà Trương Ngọc Th 317.858.587 đồng; bà Phạm Thị K 165.441.775 đồng; anh Trương Tuấn A 165.441.775 đồng; anh Trương Tuấn H 165.441.775 đồng.

4. Bà Trương Ngọc X có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Trương Ngọc Th 354.593.330 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Ngọc X phải chịu 112.872.605 đồng; ông Trương Hồng C phải chịu 38.636.810 đồng; bà Trương Hồng L phải chịu 37.136.810 đồng; bà Trương Ngọc Th phải chịu 30.898.076 đồng; bà Phạm Thị K, anh Trương Tuấn A, anh Trương Tuấn H mỗi người phải chịu 8.272.088 đồng.

6. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản: Bà Trương Ngọc X phải chịu 8.000.000 đồng, đã nộp xong; ông Trương Hồng C phải chịu 2.000.000 đồng, nộp trả cho bà X; bà Trương Hồng L phải chịu 1.600.000 đồng, nộp trả cho bà X; bà Trương Ngọc Th phải chịu 1.200.000 đồng, nộp trả cho bà X; bà Phạm Thị K, anh Trương Tuấn A, anh Trương Tuấn H mỗi người phải chịu 400.000 đồng, nộp trả cho bà X.

Ngày 31-8-2017, ông Trương Hồng C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận Di chúc ngày 20-02-2013 của cụ G vì di chúc không hợp pháp, có khả năng dấu lặn tay là giả, tại thời điểm lập di chúc cụ G bị điếc tai, không biết chữ nhưng không có người làm chứng. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C hủy việc ủy quyền cho ông Vương Sơn Hà và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Hồng C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Cụ Trương D chết năm 2009, cụ Nguyễn Thị G chết năm 2014, bà Trương Ngọc X khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vào ngày 21-10-2016 là chưa quá 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là đúng nhưng áp dụng Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không đúng vì tại thời điểm thụ lý vụ án bộ luật này chưa có hiệu lực thi hành.

[2] Xét Di chúc do cụ Nguyễn Thị G lập ngày 20-02-2013, thấy rằng: Di chúc đã được công chứng tại Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh là lập theo yêu cầu của cụ G, cụ G đã nghe đọc và đọc lại di chúc, điểm chỉ trước mặt công chứng viên. Tại thời điểm lập di chúc, cụ G hoàn toàn minh mẫn, có Giấy chứng nhận sức khỏe ngày 20-1-2013, của Bệnh viện quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận cụ G đủ sức khỏe lập di chúc; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, là di chúc hợp pháp theo quy định tại các Điều: 650, 652, 657 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 41 của Luật Công chứng năm 2006.

[3] Xét kháng cáo của ông Trương Hồng C yêu cầu Tòa án xác định di chúc của cụ G không hợp pháp, thấy rằng:

- Ông C khai mọi văn bản công chứng của cụ G lập đều đã bị Tòa án tuyên bố vô hiệu là không có căn cứ, bởi vì: Chứng cứ ông C cung cấp là Bản án Phúc thẩm số: 104/2016/DS-PT ngày 20-4-2016, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, nội dung bản án chỉ tuyên bố “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 20-6-2013” và “Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ghi ngày 02-8-2013” giữa cụ G và bà X được công chứng tại Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh là vô hiệu, bản án không đề cập đến Bản di chúc cụ G lập vào ngày 20-02-2013.

- Xét việc ông C cho là di chúc của cụ G lập không hợp pháp vì cụ G không biết chữ mà di chúc không có người làm chứng, thấy rằng:

+ Chữ ký mang tên “G” trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất (bút lục 270), không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ông C khai là do ông C ký, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ mà lại căn cứ chữ ký này để khẳng định cụ G biết chữ là đánh giá chứng cứ chưa đúng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ được vì bà X thừa nhận không phải chữ ký của cụ G, ông C thừa nhận do ông C tự ký. Tuy nhiên, ông C căn cứ vào việc này để khẳng định cụ G không biết chữ là không đúng vì theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cụ G đã ký tên trong các văn bản sau đây: 02 Giấy ủy quyền lập cùng ngày 04 tháng 01 năm 2013, có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Dầu (bút lục 186) do bà X cung cấp; Bản di chúc ngày 04-4-2006 (bản pho-to, bút lục 176) do ông C cung cấp; Biên bản Hòa giải ngày 16-01-2012, tại Văn phòng Khu phố X2, thị trấn Gò Dầu, có mặt ông C tham gia và ký tên (bút lục 191) do bà X cung cấp, ông C cũng thừa nhận.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X cung cấp thêm chữ ký của cụ G trong Phiếu chi ngày 31-8-2011, do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B lập, có chữ ký của lãnh đạo và con dấu của Trung tâm.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định cụ G không phải là người không biết chữ, ông C cho rằng di chúc không hợp pháp do vi phạm điều này là không có căn cứ.

- Ông C kháng cáo cho rằng dấu vân tay trong di chúc có khả năng không phải của cụ G và yêu cầu giám định nhưng sau đó đã rút yêu cầu này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

- Ông C khai khi lập di chúc, tai của cụ G không nghe được nhưng không có chứng cứ chứng minh, theo chứng từ điều trị bệnh của cụ G do ông C và bà X cung cấp không thể hiện cụ G có bị bệnh gì về tai.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C nại ra rằng, tại thời điểm lập di chúc cụ G bệnh rất nặng, không đi, đứng được, không minh mẫn, giấy khám sức khỏe là giả, không có hồ sơ gốc, do bà Th là nhân viên của Bệnh viện Tân Bình nên nhờ làm giả, cụ G ở Tây Ninh nhưng khám sức khỏe ở Tân Bình là vô lý. Lời nại của ông C không có căn cứ vì theo Giấy xác nhận số: 240/GXN-BVTB ngày 18-5-2017, của Bệnh viện Tân Bình xác định: Vào ngày 02-01-2013, cụ G đến bệnh viện yêu cầu khám sức khỏe để lập di chúc, Hồ sơ lưu trữ số: 04/2013.

Các chứng từ điều trị từ năm 2012 thể hiện cụ G chỉ bị bệnh suy thận, gãy cổ xương đùi, kể từ khi khám sức khỏe đến khi lập di chúc cụ G không có chứng từ nằm viện. Bà Th khai cụ G khám sức khỏe ở Bệnh viện Tân Bình là vì từ năm 2012 cụ G bị vợ chồng ông C xua đuổi phải sống nhờ vào con gái, việc khám bệnh, điều trị do bà Th và bà X lo. Lời khai của bà Th là có căn cứ vì thực tế cụ G và ông C mâu thuẫn nhau từ năm 2012, cuối năm 2012, khu phố Nội ô, thị trấn Gò Dầu hòa giải việc cụ G đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C tự ý lấy để chiếm dụng đất; đầu năm 2013, Công an thị trấn Gò Dầu giải quyết việc cụ G yêu cầu tách tên ông C ra khỏi hộ khẩu vì ông C tự làm đơn, ký tên của cụ G để nhập tên ông C vào hộ khẩu mà không được sự đồng ý của cụ G.

Các chứng từ điều trị của cụ G do ông C cung cấp là điều trị vào năm 2012. Kể từ cuối năm 2012, các chứng từ điều trị của cụ G đều do bà X và bà Th cung cấp, các biên lai thu phí bệnh viện cũng do bà X, bà Th ký nộp.

- Di chúc ngày 20-02-2013, do cụ G lập là hợp pháp theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005, ông C cho rằng di chúc không hợp pháp nhưng không có chứng cứ chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo di chúc của cụ G là có căn cứ.

[4] Đối với phần đất sản xuất diện tích 20.345 m<sup>2</sup>, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào văn bản của Ủy ban nhân dân huyện B xác định là đất cấp cho hộ gia đình, xác định hộ gia đình tại thời điểm được cấp đất gồm 08 người trong đó có vợ ông C và 02 người con của ông C gồm 01 người 9 tuổi, 01 người 11 tuổi nhưng đất này là tài sản của cụ G hưởng thừa kế, các tài liệu chứng cứ do bà X cung cấp thể hiện tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ và con ông C không sống chung, không có tên trong hộ khẩu gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ mà lại chia đều cho 08 thành viên là chưa đủ căn cứ. Bà X, bà Th, bà L không chấp nhận và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế theo di chúc của cụ G nhưng do họ không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cung cấp một Bản di chúc ghi ngày 04-4-2006 (bản pho-to) và yêu cầu chia theo di chúc này, bản di chúc này không hợp pháp vì không có công chứng hay chứng thực nội dung di chúc; chỉ là bản pho-to; ông C không cung cấp được bản chính; bà X, bà L, bà Th không chấp nhận; nội dung và hình thức của di chúc không hợp pháp theo quy định tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông C là đúng nhưng không ghi trong bản án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.



[6] Bản án sơ thẩm quyết định có căn cứ, đúng pháp luật. Ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về điều luật áp dụng: Vụ án thụ lý năm 2016 nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng bộ luật dân sự đang có hiệu lực thi hành là Bộ luật Dân sự năm 2005 mà áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01-01-2017 là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá tương ứng với phần trăm giá trị tài sản mình được chia trong tổng giá trị tài sản tranh chấp, theo quy định tại Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như bản án sơ thẩm đã quyết định.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tính trên giá trị tài sản mình được chia, theo quy định tại Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

Bà Trương Ngọc X được chia tổng giá trị là 4.872.605.198 đồng, án phí là: 112.000.000 đồng + (0.1% x 872.605.198 đồng) = 112.872.605 đồng.

Ông Trương Hồng C được chia tổng giá trị là 887.893.629 đồng, án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 87.893.629 đồng) = 38.636.810 đồng.

Bà Trương Hồng L được chia tổng giá trị là 837.893.692 đồng, án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 37.893.692 đồng) = 37.136.810 đồng.

Bà Trương Ngọc Th được chia tổng giá trị là 672.451.917 đồng, án phí là: 20.000.000 đồng + (4% x 272.451.917 đồng) = 30.898.076 đồng.

Bà Phạm Thị K được chia giá trị là 165.441.775 đồng, án phí là: 165.441.775 đồng x 5% = 8.272.088 đồng.

Anh Trương Tuấn A được chia giá trị là 165.441.775 đồng, án phí là: 165.441.775 đồng x 5% = 8.272.088 đồng.

Anh Trương Tuấn H được chia giá trị là 165.441.775 đồng, án phí là: 165.441.775 đồng x 5% = 8.272.088 đồng.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông C không được Tòa án chấp nhận nên ông C phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Hồng C.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 47/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng các Điều: 224, 652, 675, 676, 684 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

**2.1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp thừa kế tài sản và chia tài sản thuộc sở hữu chung” của bà Trương Ngọc X đối với ông Trương Hồng C.

Công nhận Di chúc do cụ Nguyễn Thị G lập, đã được công chứng ngày 20-02-2013, tại Phòng Công chứng Y tỉnh Tây Ninh, Số công chứng: 26 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, do bà Trương Ngọc X cung cấp là hợp pháp.

Bản di chúc ghi ngày 04-4-2006, do ông Trương Hồng C cung cấp là không hợp pháp.

**2.2.** Chia tài sản thuộc hình thức sở hữu chung và chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị G theo Di chúc của cụ G lập ngày 20-02-2013; chia thừa kế di sản của cụ Trương D theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

**2.2.1.** Bà Trương Ngọc X được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất gồm: Được sử dụng diện tích đất 287,4 m<sup>2</sup>, trong đó có 200 m<sup>2</sup> đất ODT; thuộc thửa số 181; tờ bản đồ 33; tọa lạc tại khu phố 4, Nội ô thị trấn X3, huyện X4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02229/427/2005/QĐ-UBND(HL) ngày 10-7-2006, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp, cụ Trương D và cụ Nguyễn Thị G đứng tên; tứ cận: Đông giáp thửa 182 dài 6,66 m + 77,44 m; Tây giáp các thửa: 150, 146, 176, 177, 179, 219, 220, 257, 258, dài: 6,58 m + 13,6 m + 9,32 m + 5,17 m + 7,88 m + 3,15 m + 14,83 m + 6,9 m + 8,6 m + 1,43 m + 7,93 m; Nam giáp nương nước dài 3,94 m; Bắc giáp Quốc lộ 22 dài 3,5 m. (có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo) và sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà tường cấp 4A diện tích 31,15 m<sup>2</sup>; 01 nhà tường cấp 4C diện tích 115,15 m<sup>2</sup>; 01 nhà tạm diện tích 47,07 m<sup>2</sup>; 01 chuồng gà diện tích 11,21 m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh diện tích 1,21 m<sup>2</sup>; 03 cây đu đủ; 01 cây chanh, 01 cây nhãn; 01 cây măng cầu; 01 cây xoài.

Giá trị tài sản bà X được chia là 5.227.198.528 đồng.

**2.2.2.** Ông Trương Hồng C được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất gồm:

- Được sử dụng diện tích 104,7 m<sup>2</sup> đất ODT ; thuộc thửa 353; tờ bản đồ 33; tọa lạc tại khu phố 3, Nội ô thị trấn X3, huyện X4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02231/427/2005/QĐ-UBND(HL) ngày 10-7-2006, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp, cụ Trương D và cụ Nguyễn Thị G đứng tên; tứ cận: Đông giáp đường Ngô Gia Tự dài 6,63 m; Tây giáp thửa 350 dài 6,72 m; Nam giáp đường bê-tông dài 15,58 m; Bắc giáp thửa 309 dài 16 m (có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo) và được sở hữu tài sản trên đất là 01 căn nhà tường cấp 4C diện tích 91 m<sup>2</sup>; 01 mái che khung sắt, nền xi măng, diện tích 17,5 m<sup>2</sup>.

- Được sử dụng diện tích đất 20.345 m<sup>2</sup>; tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01593 QSDĐ ngày 20-01-1994, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp, cụ Nguyễn Thị G đứng tên (diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.965,6 m<sup>2</sup>, diện tích đo hiện trạng sử dụng là 20.345 m<sup>2</sup>), gồm 03 phần (có sơ đồ hiện trạng khu đất kèm theo), cụ thể như sau:

+ Phần I: Diện tích 9.348,7 m<sup>2</sup>, trong đó có 400 m<sup>2</sup> đất ONT và 8.948,7 m<sup>2</sup> đất LUC; gồm các thửa: 12, 13, 14, 27, 28, 40, 56, 68; tờ bản đồ 32; tứ cận: Đông giáp đất ông Dũng (thửa: 29, 48, 69) dài 13,84 m + 44,5 m + 12,64 m + 22,16 m + 29,85 m; Tây giáp bờ kênh PC3 dài 16,36 m + 89,85 m + 15,19 m; Nam giáp hầm vật liệu dài 29,15 m + 47,43 m; Bắc giáp đường đất dài 26,25 m + 4,21 m + 15,96 m + 0,86 m + 29,83 m.

+ Phần II: Diện tích 6.208,1 m<sup>2</sup> đất LUC; gồm các thửa: 84, 85, 105, 123; tờ bản đồ 32; tứ cận: Đông giáp đất ông Dũng (thửa: 69, 106, 124) dài 13,28 m + 20,53 m + 19,5 m + 8,24 m + 10,4 m + 18,4 m; Tây giáp bờ kênh PC3 dài 33,8 m + 28,43 m + 28,36 m; Nam giáp mương nước dài 21,35 m + 39,03 m; Bắc giáp bờ kênh PC3-7 dài 30,19 m + 45,83 m.

+ Phần III: Diện tích 4.788,2 m<sup>2</sup> đất LUC; gồm các thửa: 47, 83, 103, 104, 121, 122; tờ bản đồ 32; tứ cận: Đông giáp hầm vật liệu dài 118,31 m + 35,9 m + 29,18 m + 28,53 m; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Hiêm (thửa 39) dài 6,84 m + 111,23 m, giáp đất ông Phan Việt Hùng (thửa: 82, 102, 120), dài 33,46 m + 31,03 m + 13,8 m + 14,3 m; Nam giáp mương nước dài 23,94 m + 16,75 m + 07 m; Bắc giáp thửa 39 dài 19,77 m + 5,77 m.

Giá trị tài sản ông C được chia là 2.539.971.300 đồng.

#### **2.2.3. Về nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản:**

- Ông Trương Hồng C có nghĩa vụ thanh toán cho những người sau đây:

+ Bà Trương Hồng L 837.893.692 (tám trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm chín mươi hai) đồng.

+ Bà Trương Ngọc Th 317.858.587 (ba trăm mười bảy triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn, năm trăm tám mươi bảy) đồng.

+ Bà Phạm Thị K 165.441.775 (một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng.

+ Anh Trương Tuấn A 165.441.775 (một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng.

+ Anh Trương Tuấn H 165.441.775 (một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Bà Trương Ngọc X có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Ngọc Th 354.593.330 (ba trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi) đồng.

#### **2.2.4. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản:**

- Bà Trương Ngọc X phải chịu 8.000.000 (tám triệu) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

- Ông Trương Hồng C phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, nộp trả cho bà X.

- Bà Trương Hồng L phải chịu 1.600.000 (một triệu sáu trăm ngàn) đồng, nộp trả cho bà X.

- Bà Trương Ngọc Th phải chịu 1.200.000 (một triệu hai trăm ngàn) đồng, nộp trả cho bà X.

- Bà Phạm Thị K, anh Trương Tuấn A, anh Trương Tuấn H, mỗi người phải chịu 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng, nộp trả cho bà X.

**2.2.5.** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2.2.6.** Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trương Ngọc X phải chịu 112.872.605 đồng, được trừ vào 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0011438 ngày 21-10-2016, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại phải nộp là 112.422.605 (một trăm mười hai triệu, bốn trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm lẻ năm) đồng.

- Ông Trương Hồng C phải chịu 38.636.810 (ba mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm mười) đồng.

- Bà Trương Hồng L phải chịu 37.136.810 (ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm mười) đồng.

- Bà Trương Ngọc Th phải chịu 30.898.076 (ba mươi triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi sáu) đồng .

- Bà Phạm Thị K, anh Trương Tuấn A, anh Trương Tuấn H, mỗi người phải chịu 8.272.088 (tám triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, không trăm tám mươi tám) đồng.

**3.** Về án phí phúc thẩm: Ông Trương Hồng C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0012452 ngày 01-9-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ khi tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đặng Thị Đồng**